CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***363 064***	***122 059***	***241 005***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**44 758**	**32 733**	**12 025**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***29 300***	***29 017***	***283***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/10	691/10		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 6A.1	23 300	23 158	142	29/10	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	28/10	2789/10	31/10	HOÀNG ANH 88	CÁM 5A.1	2 000	1 997	3	29/10	HỘ LỚN	
3		NHÔM ĐĂK NÔNG	28/10	2790/10	31/10	HOÀNG ANH 88	CÁM 5A.1	2 000	1 943	57	29/10	HỘ LỚN	
4		VẬT TƯ MIKADO	29/10	2794/10	31/10	HP 6093	CỤC 5A.1	2 000	1 919	81	29/10	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***6 765***	***3 717***	***3 049***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	28/10	692/10	07/11	QN 9300	CÁM 4B.1	4 065	3 024	1 041	DỠ	HỘ LỚN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	28/10	693/10	07/11	QN 4114	CÁM 4B.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
3		THAN MIỀN TRUNG	28/10	2587/10	31/10	VIỆT TRUNG 69	CỤC XÔ 1C	1 000	693	308	DỠ	TD	GIA HẠN L1
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***8 693***		***8 693***			
1		THAN SÔNG HỒNG	21/10	2621/10	28/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	GIA HẠN L1
2		XNK VTA	21/10	2707/10	28/10	BN 2025	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
3		THÁI SƠN HP	22/10	2725/10	29/10	QN 8531	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
4		XNK THAN	27/10	2769/10	31/10	QN 8647	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
5		SX&TM THAN UÔNG BÍ	28/10	2779/10	31/10	HD 2359	CÁM 4A.1	1 200		1 200		TD	
							CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
6		TRƯỜNG ANH 888	28/10	2785/10	31/10	BN 3046	CÁM 4B.1	1 800		1 800		TD	Thay TBRT 2703/10
	Tàu chuyển tải							**136 630**	**49 776**	**86 854**			
	Tàu đã làm hàng							***20 680***	***20 676***	***4***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/10	689/10		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 680	20 676	4	29/10	HỘ LỚN	TTHG: 16.518,7 KVCP: 4.157,63
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***46 250***	***29 100***	***17 150***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	674/10		HPS-01	CÁM 6A.1	24 050	16 800	7 250		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 4.050
2		KDT MIỀN BẮC	25/10	688/10		VTA NEPTUNE	CÁM 5B.10	22 200	12 300	9 900		PTCB	TTHG: 22.200
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***69 700***		***69 700***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/10	682/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTHG: 42.000 KVCP: 4.500
2		KDT MIỀN BẮC	29/10	699/10		VTA POSEIDON	CÁM 5B.10	23 200		23 200		PTCB	TTHG: 23.200
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**52 533**	**10 221**	**42 312**			
	Tàu đã làm hàng							***1 100***	***1 098***	***2***			
1		HÀNG HẢI VN	26/10	2766/10	31/10	BN 1798	CỤC XỐ 1C	1 100	1 098	2	29/10	TD	NGUỒN KC
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***19 051***	***9 124***	***9 927***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	29/10	697/10	07/11	TĐ 06-VT	CÁM 4A.1	2 300		2 300		HỘ LỚN	
2		KDT MIỀN BẮC	29/10	2797/10	31/10	HP 4910	CÁM 6B.1	2 155	1 215	940	DỠ	PTCB	
3		THAN MIỀN TRUNG	28/10	2698/10	31/10	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	1 200	600	600	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XỐ 1B	1 150	1 108	42	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
4		KDT CẦU ĐUỐNG	29/10	2472B/9	31/10	BN 1386	CỤC XỐ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		VT &KD THAN	24/10	2744/10	30/10	NB 8530	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
6		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
7		GOLDEN STAR	24/10	5 482		QNL-TĐ 06	TNK-LÀO	5 166	4 658	508	DỠ	BỐC THAN NK	
8		VIỆT THUẬN 235	27/10	5 514		CẨM PHẢ 22	TNK-LÀO	3 880	1 542	2 338	DỠ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***32 382***		***32 382***			
1		KDT HÀ BẮC	22/10	2732/10	31/10	BG 0668	CÁM 7B	1 950		1 950		PTCB	NGUỒN CS
2		KDT HÀ BẮC	24/10	2748/10	31/10	BN 2518	CÁM 7B	1 685		1 685		PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HẢI PHÒNG	25/10	2756/10	31/10	HP 5902	CÁM 7C	1 450		1 450		PTCB	NGUỒN KVCP
4		KDT HẢI PHÒNG	27/10	2775/10	31/10	BN 2329	CÁM 7C	1 500		1 500		PTCB	NGUỒN KVCP
5		KDT BẮC TRUNG BỘ	27/10	2776/10	31/10	NB 8917	CÁM 7B	3 060		3 060		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
6		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2612/10	27/10	VTT89 (QN 8757)	CÁM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		XDCN MỎ ĐÔNG BẮC	19/10	2688/10	26/10	QN 7877	CÁM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS
8		XNK VTA	25/10	2758/10	31/10	HD 6666	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN CS
9		XDCN MỎ	25/10	2760/10	31/10	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/10	2677/10	31/10	QN 8547	CỤC XỐ 1B	996		996		TD	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
11		THAN MIỀN TRUNG	28/10	2782/10	31/10	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		THAN MIỀN NAM	28/10	2780/10	31/10	TRẦN GIA 09	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN
							CÁM 8A	940		940		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		ĐTTM & DỊCH VỤ	28/10	2783/10	31/10	HD 2225	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
14		ĐTTM & DỊCH VỤ	28/10	2786/10	31/10	BN 1336	CỤC DON 8C	1 020		1 020		TD	NGUỒN HL Thay TBRT 2471/9
15		THÁI SƠN HP	28/10	2788/10	31/10	HD 6299	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS Thay RBRT 2778/10
16		THAN SÔNG HỒNG	29/10	2800/10	31/10	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6
17		VIỆT THUẬN 235	27/10	5 514		CỬA ÔNG 05	TNK-LÀO	2 100		2 100		BỐC THAN NK	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**10 368**	**6 137**	**4 231**			
	Tàu đã làm hàng							***6 156***	***6 137***	***19***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	24/10	685/10	03/11	QN 4113	CÁM 5B.10	1 716	1 714	2	29/10	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHÁ LẠI	24/10	686/10	03/11	DŨNG SƠN 88(HP 6729)	CÁM 5B.10	4 440	4 424	16	29/10	HỘ LỚN	
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***4 212***		***4 212***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	28/10	694/10	07/11	TĐ 03-1	CÁM 5B.10	2 392		2 392		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHÁ LẠI	28/10	696/10	07/11	QN 4140	CÁM 5B.10	1 820		1 820		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**12 575**	**3 541**	**9 034**			
	Tàu đã làm hàng							***1 200***	***1 145***	***55***			
1		TM XNK ANH KHOA	25/10	2 753	31/10	PT 2698	CỤC 1B	1 200	1 145	55	29/10	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***8 400***	***2 396***	***6 004***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/10	2763/10	31/10	AN PHÁT 39	CÁM 5A.1	5 000	2 396	2 604	DỠ	PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	29/10	2795/10	31/10	MINH HẰNG 313	CÁM 6A.1	3 400		3 400		PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***2 975***		***2 975***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	28/10	2784/10	31/10	BN 1962	CỤC 1B	1 030		1 030		TD	
2		XNK THAN	29/10	2805/10	31/10	PHÚC THỊNH 18	BÙN TUYỂN 3C	1 945		1 945		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**50 000**	**11 650**	**38 350**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***15 000***	***11 650***	***3 350***			
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC 5B.2	15 000	11 650	3 350	DỠ		KVĐB: 15.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 30 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***35 000***		***35 000***			
1		NHẬT BẢN	26/10	7495		MV ANSHUN	CẨM 3B.1	25 000		25 000			KVCP: 10.000 TTHG: 5.000
2		HÀN QUỐC	27/10	7519		MV XIN LIN HAI 7	CỤC 2B.2	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
3		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**56 200**	**8 000**	**48 200**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***23 000***	***8 000***	***15 000***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
2		LÀO	22/10	7416		VIỆT THUẬN 235	Than Antaracite Lào	10 000	8 000	2 000	DỠ		TTCO: 5.000 KVCP: 5.000
	Tàu đã làm lệnh							***33 200***		***33 200***			
1		MOZAMBIQUE	26/10	7496		MV LYRIC HARMONY	Than xx Mozambique	15 000		15 000			TTCO: 15.000
2		LÀO	28/10	7552		VIỆT THUẬN 235-01	Than Antaracite Lào	18 200		18 200			TTCO: 8.200 KVCP: 10.000